Mô hình quản trị điểm đến phát huy giá trị văn hóa, lịch sử và tài nguyên tự nhiên tại Trà Vinh (cũ) và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trịnh Thị Mỹ Lệ[1], Lê Thế Hiển [2], Trần Trọng Thành[3]
[1,2] Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
[3] Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
lettm@uef.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu này tập trung vào việc định hình chiến lược phát triển du lịch xanh và bền vững tại tỉnh Trà Vinh (cũ), nay là Vĩnh Long, một điểm đến đang nổi lên với những giá trị đặc thù tại Đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu chính của đề tài là đánh giá thực trạng khai thác các giá trị di sản văn hóa – tâm linh và mô hình du lịch cộng đồng thuận thiên, từ đó đề xuất lộ trình chuyển dịch từ khai thác tài nguyên thuần túy sang kỷ nguyên du lịch tái tạo. Điểm mới của nghiên cứu nằm ở cách tiếp cận liên ngành, tích hợp đột phá giữa khung phân tích DART (Đồng tạo lập giá trị) và bộ chỉ số ESG để giải quyết các điểm nghẽn trong quản trị du lịch hiện đại. Kết quả cho thấy, thành tố Quản trị (G) đóng vai trò cốt lõi, giúp chuyển hóa vốn văn hóa bản địa và tài nguyên bản địa thành lợi ích kinh tế – xã hội cụ thể mà vẫn đảm bảo sức chống chịu của hệ sinh thái. Đề tài cũng nhấn mạnh việc chuẩn hóa sản phẩm qua OCOP và số hóa di sản là lộ trình tất yếu để xây dựng thương hiệu điểm đến phát thải thấp, định vị Đồng bằng sông Cửu Long trở thành hình mẫu về kinh tế xanh và nhân văn trong kỷ nguyên Net Zero toàn cầu. Về hàm ý quản trị, bài viết đề xuất Việt Nam cần sớm thực thi mô hình DMO thông minh, lồng ghép chính sách tín dụng xanh và cơ chế "đồng quản lý" để trao quyền thực chất cho cộng đồng.

Nhận 11/05/2026
Được duyệt 30/06/2026
Công bố 30/09/2026

Từ khóa
Du lịch cộng đồng, du lịch bền vững, DART, ESG, đồng sáng tạo giá trị.

® 2026 Journal of Science and Technology - NTTU

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, du lịch dựa vào cộng đồng (DLCĐ) vận hành như một phương thức chiến lược trong chuyển đổi sinh kế, tối ưu hóa thu nhập và thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững. Mô hình này thúc đẩy sự dịch chuyển cơ cấu từ nông nghiệp truyền thống sang khu vực dịch vụ, đồng thời tăng cường quyền năng cho các cộng đồng dân tộc thiểu số thông qua bảo tồn di sản văn hóa và tài nguyên môi trường. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã khẳng định sự tham gia chủ động của cộng đồng là điều kiện tiên quyết cho việc quản trị bền vững các nguồn lực bản địa và đảm bảo phân phối lợi ích công bằng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc tích hợp du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống dựa trên nền tảng lý thuyết Đồng tạo lập giá trị (*value co-creation*) tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đại diện cho một hướng tiếp cận đương đại, có ý nghĩa cả về mặt học thuật lẫn thực tiễn.

Thực trạng DLCĐ tại Việt Nam hiện đang trải qua giai đoạn chuyển dịch mang tính hệ thống: từ các mô hình tự phát sang xu hướng chuẩn hóa theo khung phân tích Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) và phát triển di sản bền vững. Tiến trình này chứng minh khả năng duy trì bản sắc bản địa song hành với cải thiện kinh tế cho các nhóm thiểu số khi các quy chuẩn xã hội được thực thi đồng bộ [1]. Tại khu vực ĐBSCL, gắn kết xã hội và vốn văn hóa được xác định là những động lực cốt lõi thúc đẩy tính bền vững của DLCĐ. Nghiên cứu của Nguyen et al. (2020) [2] về các mô hình dựa trên nền tảng di sản tại Trà Vinh chỉ ra rằng, mức độ tham gia của người dân là thước đo quyết định sự thành công của điểm đến. Cụ thể, các mối quan hệ cộng đồng đặc thù tại hệ thống làng nghề và không gian văn hóa quanh chùa Khmer giúp giảm thiểu chi phí giao dịch/quản trị, đồng thời nâng cao hiệu quả bảo tồn. Phát hiện này tương thích với trụ cột quản trị (Governance) trong khung ESG, cung cấp hàm ý giải quyết các rào cản về năng lực của cộng đồng làm du lịch.

Tỉnh Trà Vinh (cũ) sở hữu hệ thống tài nguyên du lịch mang tính độc bản cao trong không gian văn hóa ĐBSCL, định hình bởi sự giao thoa văn hóa giữa ba dân

https://doi.org/10.55401/kpnprp60

tộc Kinh, Khmer, Hoa. Nơi đây lưu giữ hơn 143 ngôi chùa có kiến trúc đặc trưng (tiêu biểu như chùa Hang, chùa Âng) cùng các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (như Lễ hội Ok Om Bok, Lễ hội Đom Lơng Néak Tà, nghệ thuật Chàm riêng Chà pây, múa Rô băm). Bên cạnh đó, địa phương này đang nổi lên như một hình mẫu về du lịch "thuận thiên" và "tự thân" tại Cồn Chim và Cồn Hô, nơi hoạt động du lịch được tích hợp hữu cơ với bảo tồn sinh thái và lối sống bản địa. Sự kiện "Festival 100 năm dừa sáp Trà Vinh" (2024) kết hợp với Tuần lễ Vu Lan Thắng Hội là một minh chứng cho chiến lược định vị nông sản gắn liền với phát triển điểm đến. Với 7 điểm du lịch tiêu biểu được Hiệp hội Du lịch ĐBSCL công nhận và Giải thưởng Du lịch ASEAN 2025 dành cho Điểm DLCĐ Cồn Chim, Trà Vinh đang chuyển dịch từ một điểm dừng chân thứ cấp thành một điểm đến độc lập trên bản đồ du lịch vùng. Từ ngày 1/7/2025, tỉnh Trà Vinh đã được sát nhập và đổi tên thành Vĩnh Long.

Theo đó, bài viết này tập trung vào ba mục tiêu nghiên cứu: thứ nhất, mô tả khái quát thực trạng khai thác các giá trị văn hóa – lịch sử và bản sắc tộc người trong DLCĐ tại Việt Nam hiện nay. Hai là, đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch ở Trà Vinh (cũ), vừa giúp tăng thu nhập cho dân bản địa mà không làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên hay biến đổi văn hóa một cách tiêu cực. Ba là, góp phần làm phong phú thêm hệ thống lý thuyết về xây dựng thương hiệu điểm đến cho tỉnh Vĩnh Long và ĐBSCL nói chung, với cách tiếp cận liên ngành, ứng dụng phân tích Điểm mạnh – Hạn chế – Cơ hội – Thách thức (SWOT) kết hợp với khung phân tích (Đối thoại, Tiếp cận, Đánh giá rủi ro, Minh bạch (DART) [3] và nghiên cứu so sánh.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1 Khung lý thuyết về du lịch cộng đồng, bên liên quan và phân tích ESG

Thuyết Bên liên quan (*Stakeholder Theory*), khởi xướng bởi Freeman (1984) [4], là nền tảng lý thuyết cốt lõi trong quản trị điểm đến hiện đại, đặc biệt đối với mô hình Tổ chức Quản lý điểm đến (DMO). Trong bối cảnh DLCĐ tại Việt Nam, khung lý thuyết này giải thích cơ chế phát triển bền vững thông qua việc cân bằng lợi ích chiến lược của các nhóm chủ thể, thay vì tối đa hóa lợi nhuận thuần túy. Theo DMO, điểm đến du lịch không vận hành như một thực thể kinh doanh đơn lẻ mà tồn tại như một hệ sinh thái phức hợp. Thuyết Bên liên quan cho phép phân loại các nhóm chủ thể ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển của điểm đến thành ba nhóm: nhóm bên trong, nhóm bên ngoài trực tiếp, và nhóm bên ngoài gián tiếp.

Bên cạnh đó, Lý thuyết Trao quyền Cộng đồng của Scheyvens (1999, 2002) [5] được ứng dụng phổ biến như một mô hình chuẩn mực trong phân tích DLCĐ, cấu trúc qua bốn chiều cạnh cốt lõi: kinh tế, tâm lý, xã hội và chính trị. Trong đó, khía cạnh trao quyền kinh tế tập trung xem xét tính công bằng trong cơ chế phân phối lợi nhuận từ hoạt động du lịch cho cộng đồng sở tại, một chủ đề được chứng minh qua loạt nghiên cứu thực nghiệm tại các điểm đến miền núi phía Bắc như Bản Lác (Mai Châu), Sìn Suối Hồ, Cát Cát (Lào Cai), Nậm Cang và Lô Lô Chải (Hà Giang). Ở các chiều cạnh tâm lý và xã hội, giới học giả hướng sự tập trung vào mức độ tự hào di sản của người dân bản địa và biến động của chỉ số gắn kết cộng đồng dưới tác động của du lịch.

Khung tiếp cận ESG được phổ biến rộng rãi từ báo cáo "Who Cares Wins" (2004) dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc và các định chế tài chính quốc tế [6]. Trong nghiên cứu du lịch, ESG phát triển dựa trên nền tảng lý thuyết Ba trụ cột (TBL) của Elkington (1994) [7], nhưng đặt trọng tâm cao hơn vào cấu trúc Quản trị nhằm bảo đảm tính thực thi và minh bạch pháp lý. Tại Việt Nam, xu hướng vận dụng ESG trong quản trị du lịch chủ yếu xoay quanh ba trục chiến lược: quản trị điểm đến, thích ứng với biến đổi khí hậu và trao quyền cộng đồng. Để cụ thể hóa các mục tiêu này trong không gian tương tác giữa các chủ thể, khung DART được tích hợp như một công cụ thúc đẩy tiến trình đồng tạo lập giá trị.

Việc đặt cụm di sản Chùa Âng – Ao Bà Om và Chùa Vàm Ray dưới lăng kính của khung DART cho phép nghiên cứu làm rõ cơ chế chuyển hóa các giá trị di sản tâm linh thành các sản phẩm trải nghiệm du lịch thích ứng, đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững của ESG [8].

Liên quan đến thực trạng vận hành hệ thống, các chuyên gia nhấn mạnh yêu cầu giải quyết các rào cản mang tính hệ thống trong quản trị du lịch, đồng thời lý thuyết hóa mô hình DMO gắn liền với trách nhiệm giải trình [9]. Trên nền tảng Thuyết Bên liên quan, Nguyen và Schinckus (2020) [10] cụ thể hóa cơ chế quản trị thông qua việc điều phối các dòng lợi ích kinh tế và phân định quyền ra quyết định giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng bản địa trong bối cảnh đặc thù tại Việt Nam. Song song với cấu trúc quản trị, các giải pháp dựa vào tự nhiên hay chiến lược quản trị "thuận thiên" đang trở thành phương thức thích ứng trọng yếu nhằm bảo đảm tính bền vững sinh thái cho ngành du lịch trước áp lực xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng tại khu vực ĐBSCL [11].

2.2 Thực trạng phát triển du lịch dựa vào các giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan tự nhiên tại Trà Vinh

Dữ liệu thống kê từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Trà Vinh (cũ) cho thấy hoạt động du lịch giai đoạn 2024-2025 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về cả quy mô lượng khách lẫn doanh thu, đánh dấu bước chuyển dịch từ khai thác tiềm năng sang tối ưu hóa hiệu quả thực tế. Tổng doanh thu du lịch đạt trên 2.500 tỷ đồng, đạt 134% kế hoạch, tăng 49% so với cùng kỳ. Lượng khách du lịch tăng trưởng vượt bậc với hơn 3,8 triệu lượt, đạt 160% kế hoạch, tăng 86% so với năm trước. Số lượng khách lưu trú đạt trên 1 triệu lượt, với hơn 69.000 lượt khách quốc tế. Về hạ tầng kỹ thuật và năng lực cung ứng dịch vụ, tính đến hết năm 2025, hệ thống cơ sở vật chất toàn tỉnh quy tụ 138 cơ sở lưu trú, 33 nhà hàng ẩm thực tích hợp thương mại đặc sản bản địa đạt chuẩn, cùng mạng lưới lữ hành gồm 2 đơn vị quốc tế và 14 đơn vị nội địa [12].

Sự chuyển biến về mặt cấu trúc này có nền tảng từ việc thực thi hiệu quả Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch giai đoạn 2022-2025. Nguồn ngân sách giải ngân thông qua nghị quyết này đã trực tiếp hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư hệ thống homestay, nhà hàng và hoàn thiện các mô hình DLCĐ. Theo dữ liệu tổng hợp của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp (VCCI), Trà Vinh đạt tổng điểm Chỉ Số Xanh Cấp Tỉnh (PGI) là 25,81 điểm, đứng ở vị trí 23/63 toàn quốc năm 2024. Đáng chú ý, theo kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém được UBND tỉnh Trà Vinh ban hành năm 2024, mục tiêu đặt ra là nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh, thuộc nhóm 20 địa phương có chất lượng điều hành tốt nhất của cả nước. Hướng tới mục tiêu phát thải thấp và Net Zero của tỉnh Vĩnh Long đề ra đến năm 2030, các mô hình DLCĐ tại Cồn Chim và Cồn Hô đã định hình rõ nét thành các không gian giáo dục môi trường dựa trên nền tảng sinh kế "thuận thiên".

Điểm DLCĐ Cồn Chim đại diện cho một mô hình thực nghiệm tiêu biểu đáp ứng các tiêu chuẩn ESG trong bối cảnh du lịch nông thôn Việt Nam đương đại. Yếu tố sinh thái tại Cồn Chim được lượng hóa thông qua việc bảo tồn nghiêm ngặt hệ sinh thái rừng ngập mặn và duy trì phương thức nông nghiệp hữu cơ. Chiến lược thích ứng "thuận thiên" cho phép người dân tổ chức canh tác luân canh theo mùa: cơ chế 6 tháng nước ngọt (quản trị chuỗi sản xuất lúa gạo) song hành với 6 tháng nước mặn (nuôi trồng thủy sản) [13]. Việc cam kết không sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật giúp bảo vệ toàn diện nguồn nước và đa dạng sinh học bản địa. Ngoài ra, việc kiểm soát chất thải nhựa được thực thi thông qua quy tắc ứng xử của du khách và hệ thống homestay. Hệ quả là các chỉ số về tỷ lệ bao phủ cây xanh, nồng độ hóa chất trong đất/nước (gần bằng 0) và khối lượng rác thải nhựa phát sinh đều đạt các tiêu chuẩn tối ưu trong bộ tiêu chí VITA Green [13].

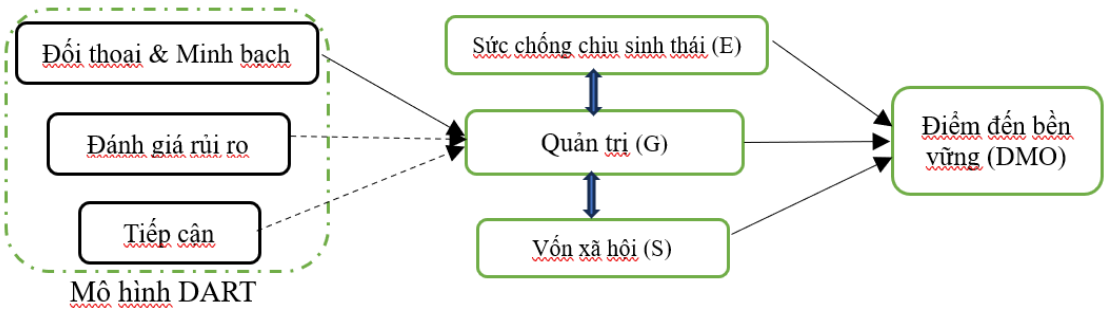
Hơn nữa, tính bền vững xã hội và cơ chế phân phối thu nhập công bằng được khẳng định khi quy mô cộng đồng tham gia tăng từ 11 hộ ban đầu lên 19 hộ vào năm 2026. Nhằm triệt tiêu rủi ro cạnh tranh nội bộ, Ban quản lý DMO đã điều phối để mỗi hộ gia đình đảm nhiệm một phân khúc sản phẩm trải nghiệm độc lập (như ẩm thực dân gian, dịch vụ di chuyển xanh, hoạt động trải nghiệm nông nghiệp), bảo đảm thu nhập bình quân ổn định (dao động từ 5-15 triệu đồng/tháng/hộ).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng các tiếp cận định tính và quan điểm liên ngành để làm rõ hai mục tiêu nghiên cứu trọng tâm về: (i) tìm hiểu thực trạng và đánh giá tiềm năng khai thác du lịch xanh và bền vững của tỉnh Vĩnh Long hiện nay; (ii) tham khảo các mô hình giải pháp về ESG và DART để nâng cao hiệu quả của việc tích hợp DLCĐ, văn hóa – tâm linh và kinh tế xanh để giúp Vĩnh Long trở thành điểm đến độc lập và bền vững tiêu biểu tại ĐBSCL. Tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp: phân tích tài liệu nhằm thiết lập nền tảng dữ liệu định lượng và khung pháp lý; quan sát thực địa nhằm kiểm chứng tính xác thực của hạ tầng và trải nghiệm thực tế, cùng với phỏng vấn sâu bán cấu trúc nhằm khai thác góc nhìn đa chiều từ các chủ thể liên quan.

Tính bền vững của mô hình này chỉ có thể được hiện thực hóa khi được đặt trong khuôn khổ quản trị của ESG. Cụ thể, thành tố Môi trường (E) định hướng cộng đồng hướng tới các mô hình "du lịch thuận thiên" và kinh tế tuần hoàn nhằm bảo tồn sức chống chịu của hệ sinh thái ĐBSCL. Thành tố Xã hội (S) tập trung vào việc tái đầu tư lợi nhuận vào an sinh xã hội và bình đẳng giới, trong khi thành tố Quản trị (G) thiết lập cơ chế minh bạch giữa Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp - Nhà nông. Sự tích hợp này tạo ra một vòng lặp giá trị bền vững: quản trị minh bạch (G) bảo vệ nguồn vốn tài nguyên (E), tạo điều kiện để cộng đồng chuyển hóa vốn văn hóa tiềm năng thành vốn kinh tế bền vững (S), từ đó định vị ĐBSCL không chỉ là một điểm đến trải nghiệm mà còn là một hình mẫu về kinh tế xanh và nhân văn trong kỷ nguyên Net Zero.

Mô hình nghiên cứu về quản trị DLCĐ với cơ chế tích hợp DART và quản trị ESG được nhóm tác giả đề xuất và khái quát hóa như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu về quản trị tích hợp cho DLCĐ

4. Thảo luận

4.1 Du lịch cộng đồng kết hợp sinh thái, hướng đến kinh tế xanh

Sự thành công của các mô hình như Cồn Chim hay Cà Hom đến từ việc DMO đã nhận diện và cân bằng quyền lực giữa 4 nhóm chính: (i) nhóm Hạt nhân (cộng đồng địa phương); (ii) nhóm Định hướng (chính quyền và viện nghiên cứu); (iii) nhóm Kết nối (doanh nghiệp lữ hành và cơ quan truyền thông; (iv) nhóm Thụ hưởng (du khách) là những người tìm kiếm giá trị ESG (sống xanh, ăn sạch, nhân văn) là nguồn tài chính nuôi dưỡng hệ thống.

Trên thực tế, yếu tố Quản trị (G) là "xương sống" để thực thi Môi trường (E) và Xã hội (S). Tại Vĩnh Long, quản trị chiến lược được thể hiện qua: cơ chế "đồng quản lý" tài nguyên; quản trị theo chỉ số PGI theo quy định của VITA Green; cùng với quản trị rủi ro và thích ứng. Cụ thể là, thay vì quản lý từ trên xuống, tỉnh Trà Vinh áp dụng quản trị chia sẻ. Ban Quản trị DLCĐ tại các làng nghề có quyền tự quyết về mức phí dịch vụ và cách phân phối lợi nhuận vào quỹ chung của làng; điều này giúp đảm bảo tính minh bạch của địa phương.

Thông qua các chủ trương, chính sách, Trà Vinh đã luật hóa các tiêu chuẩn môi trường vào hoạt động kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp du lịch áp dụng công nghệ xử lý chất thải; đồng thời ưu tiên cấp phép cho các dự án du lịch có cam kết bảo tồn đa dạng sinh học rừng ngập mặn. Bên cạnh đó, chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030 của tỉnh lồng ghép quản trị rủi ro biến đổi khí hậu, chính là tư duy quản trị ESG hiện đại, giúp biến thách thức (xâm nhập mặn) thành sản phẩm (du lịch sinh thái nước mặn/lợ). Đây là điểm mới của đề tài, nhấn mạnh cơ chế đồng quản lý tài nguyên và trao quyền tự quyết thực chất cho cộng đồng, nhằm cụ thể hóa lý thuyết hệ sinh thái điểm đến vào bối cảnh cụ thể tại Việt Nam. Hai là, khi các bên liên quan đạt được sự đồng thuận chiến lược và vận hành dưới một cơ chế quản trị minh bạch, mô hình Kinh tế Xanh sẽ được định hình một cách tự nhiên thông qua ba động lực cốt lõi: chuỗi cung ứng ngắn, giá trị gia tăng từ di sản, và tiềm năng thương mại hóa tín chỉ carbon. Với diện tích rừng ngập mặn lớn tích hợp trong các mô hình du lịch sinh thái, Vĩnh Long sở hữu lợi thế chiến lược để tham gia thị trường tín chỉ carbon trong tương lai gần. Trong cấu trúc này, các sản phẩm nông nghiệp đặc sản (như tôm, cua, lúa hữu cơ) được tiêu thụ trực tiếp tại điểm đến, giúp tối ưu hóa chi phí logistic và giảm thiểu phát thải nhà kính từ hoạt động vận tải. Việc tích hợp các sản phẩm OCOP trong du lịch nông thôn với số hóa di sản là một mô hình mới lạ, trong bối cảnh công nghiệp sáng tạo và phát triển bền vững.

Do đó, đề tài này phù hợp với xu hướng chung toàn cầu về chiến lược quy hoạch và phát triển du lịch sáng tạo tích hợp kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Phát huy hiệu quả các mô hình du lịch "thuận thiên", nghiên cứu hiện tại có những đóng góp thực tiễn sâu sắc, cung cấp một hình mẫu nhân văn cho thế giới về cách du lịch tái tạo thích ứng biến đổi khí hậu. Trong bài viết này, nhóm tác giả đã dùng DART như một công cụ vận hành để giải quyết các điểm nghẽn giao tiếp giữa các bên liên quan; từ đó chuyển hóa các di sản văn hóa "tĩnh" thành các sản phẩm trải nghiệm "động" để đáp ứng tâm lý du khách, nhu cầu thị trường hiện nay.

Theo quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh cũ (tại Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh), đặt mục tiêu cụ thể cho Cà Hom bao gồm số hóa di sản, đầu tư hạ tầng du lịch, và thúc đẩy liên kết vùng. Các lĩnh vực trọng tâm bao gồm dệt chiếu, đan lát, và các nghề truyền thống của người Khmer, tập trung phát triển các làng nghề tiêu biểu tại huyện Trà Cú và các khu vực lân cận như: Làng nghề dệt chiếu Hàm Tân); Làng nghề đan lát Đại An; Làng nghề đóng giường tre Hàm Giang; cùng các nghề thủ công truyền thống khác như đan mây tre, làm bánh tét, làm cốm dẹp của người Khmer. Mục tiêu đề ra trong quản trị chiến lược (G) của tỉnh Trà Vinh là đầu tư 15 – 20 tỷ đồng cho hệ thống đường giao thông

xanh, nhà trưng bày di sản và hệ thống xử lý nước thải làng nghề tập trung; phấn đấu 100 % các mẫu hoa văn cổ được số hóa và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; cùng với việc hình thành tuyến du lịch liên tỉnh "Sắc màu Khmer" kết nối các tỉnh ĐBSCL, với Cà Hom là điểm dừng chân trải nghiệm thủ công mỹ nghệ trọng điểm.

4.2 Phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử cho du lịch tâm linh

Dưới lăng kính của khung phân tích DART, hệ giá trị văn hóa – tâm linh của tỉnh Trà Vinh được chuyển dịch từ trạng thái "sản phẩm đóng gói tĩnh" sang một hệ sinh thái đồng kiến tạo giá trị. Trong mô hình này, giá trị kinh tế được kiến tạo thông qua sự tham gia trực tiếp của du khách vào quy trình cung ứng dịch vụ (như trải nghiệm nghề truyền thống, ẩm thực bản địa); giá trị cảm xúc được định hình bằng cơ chế đối thoại và tính minh bạch; và giá trị di sản được bảo tồn bền vững nhờ năng lực quản trị rủi ro chia sẻ.

Thứ nhất, Đối thoại trong DLCĐ không thuần túy là ngôn ngữ giao tiếp, mà là cơ chế tương tác văn hóa sâu sắc giữa du khách và các chủ thể di sản. Tại quần thể Chùa Âng và Ao Bà Om, tiến trình đối thoại được thiết lập khi du khách tiếp cận hệ thống triết lý Phật giáo Nam tông từ các chư tăng và chia sẻ không gian thực hành tín ngưỡng thông qua các truyền thuyết dân gian, tạo nên sự gắn kết cảm xúc mạnh mẽ với điểm đến. Để tối ưu hóa thành tố này, Ban quản lý DMO và các nhà đầu tư cần định hình các không gian "đối thoại văn hóa – tâm linh" định kỳ tại Chùa Vàm Ray, nơi du khách có thể trải nghiệm các khóa thiền tập ngắn hạn hoặc tham gia các diễn đàn đàm đạo về triết lý, nghệ thuật kiến trúc và hệ thống lễ hội lớn như Chol Chnam Thmay, Sene Dolta và Ok Om Bok.

Thứ hai, Khả năng tiếp cận được đánh giá qua hai phương diện: hạ tầng giao thông vật lý và nguồn lực thông tin di sản. Đối với cụm điểm đến trung tâm (Chùa Âng và Ao Bà Om), lợi thế nằm ở năng lực kết nối không gian thuận lợi, cho phép du khách tiếp cận sâu vào kho tàng di sản phi vật thể tại Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer liền kề (như nghệ thuật múa Rô băm, nhạc ngũ âm). Đối với các điểm đến ngoại vi như Chùa Vàm Ray (huyện Trà Cú), giải pháp đặt ra là phát triển hệ thống hạ tầng giao thông xanh (xe điện, xe đạp), đồng thời triển khai số hóa hệ thống tích truyện trên các bức phù điêu thông qua mã QR đa ngôn ngữ. Phương thức này giúp nâng cao quyền tự tiếp cận thông tin của du khách, giảm thiểu sự phụ thuộc vào hướng dẫn viên và tối ưu hóa trải nghiệm tự khám phá.

Thứ ba, Năng lực quản trị rủi ro đòi hỏi việc nhận diện và chủ động ngăn chặn các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch lên tính nguyên bản của di sản. Hiện tượng quá tải sức chứa trong các mùa lễ hội cao điểm (như Ok Om Bok) đặt ra rủi ro tổn hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái tự nhiên của Ao Bà Om (hệ thống rễ cây cổ thụ, nguồn nước) và cấu trúc kiến trúc cổ kính của Chùa Âng. Do đó, hàm ý quản trị dựa trên khung ESG yêu cầu áp dụng các chỉ số giới hạn sức chứa. Biện pháp cụ thể bao gồm điều tiết lưu lượng khách vào chánh điện Chùa Vàm Ray theo khung giờ, thực hiện đánh giá tác động môi trường định kỳ tại Ao Bà Om, và thiết lập các ranh giới kỹ thuật để đảm bảo hoạt động du lịch không làm biến dạng các nghi lễ tôn giáo thuần túy.

Cuối cùng, Tính minh bạch cấu thành từ sự rõ ràng về thông tin quy tắc ứng xử và cơ chế điều tiết dòng tài chính công bằng. Hệ thống bảng chỉ dẫn tại cụm Ao Bà Om cần công khai minh bạch các quy chuẩn hành vi và quy định trang phục tâm linh. Quan trọng hơn, cơ chế phân bổ nguồn thu từ hoạt động du lịch (phí dịch vụ, nguồn công đức, cúng dường) cần được minh bạch hóa thông qua các quỹ bảo tồn di sản do nhà chùa và chính quyền địa phương đồng quản lý. Nguồn lực tài chính này phải được cam kết tái đầu tư trực tiếp vào công tác trùng tu kiến trúc cổ và hỗ trợ sinh kế, duy trì động lực kinh tế cho các nghệ nhân dân gian Khmer tại địa phương, đảm bảo sự phát triển bền vững cho toàn bộ nền kinh tế – xã hội vùng ĐBSCL.

4.3 Bảo tồn di sản thông qua du lịch làng nghề và trải nghiệm đồng sáng tạo

Làng nghề dệt chiếu Cà Hom – Bến Bạ (xã Hàm Giang) sở hữu bề dày lịch sử hơn một thế kỷ, đại diện cho những giá trị văn hóa và kỹ nghệ thủ công tinh xảo của đồng bào Khmer vùng ĐBSCL. Với dấu ấn bản sắc đặc trưng, làng nghề đã chính thức được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào tháng 8 năm 2024. Danh hiệu này không chỉ củng cố lợi thế thương hiệu chiến lược cho ngành du lịch tỉnh Trà Vinh, mà còn tạo tiền đề định hình một không gian trải nghiệm văn hóa độc lập. Giá trị khai thác của điểm đến thể hiện qua năng lực tích hợp giữa DLCĐ và bảo tồn làng nghề; từ đó trực tiếp giải quyết bài toán việc làm, tối ưu hóa thu nhập cho nông hộ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, đồng thời vận hành như một không gian giáo dục di sản và giá trị lao động truyền thống cho du khách.

Để hiện thực hóa định hướng trở thành điểm đến văn hóa tiêu biểu của tỉnh, việc thúc đẩy tiến trình Đồng tạo lập giá trị tại làng nghề Cà Hom cũng như cụm di sản Chùa Âng – Ao Bà Om cần một tiếp cận đa chiều. Tiến trình này được vận hành dựa trên động lực tương tác giữa ba chủ thể cốt lõi trong hệ sinh thái điểm đến: Cộng đồng sở tại – Du khách – Doanh nghiệp và (DMO).

Nền tảng thể chế cho việc định hình mô hình quản trị tại làng nghề Cà Hom được quy định cụ thể tại Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND của Trà Vinh về Chính sách Hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Khung bối cảnh pháp lý này xác lập ba mục tiêu chiến lược cốt lõi: số hóa nguồn lực di sản, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật du lịch sinh thái và thúc đẩy liên kết vùng. Không gian phát triển được định vị trọng tâm tại huyện Trà Cú và các vùng phụ cận, tập trung vào các hệ sinh thái làng nghề thủ công truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa Khmer, bao gồm: làng nghề dệt chiếu Hàm Tân, làng nghề đan lát Đại An, làng nghề đóng giường tre Hàm Giang, cùng các loại hình kỹ nghệ bản địa như đan mây tre, sản xuất bánh tét và cốm dẹp. Trong phân tích quản trị chiến lược theo tiêu chuẩn ESG, các mục tiêu hành động của tỉnh Trà Vinh đối với phân đoạn du lịch làng nghề đến năm 2030 được cụ thể hóa thông qua ba chỉ báo định lượng: hạ tầng và môi trường, quản trị tài sản trí tuệ, liên kết không gian điểm đến.

Dưới đây là bảng tổng hợp các thành tố cốt lõi trong chiến lược quản trị ESG hướng đến phát triển kinh tế xanh và bền vững cho du lịch văn hóa – cộng đồng tại tỉnh Trà Vinh, được thiết kế để phục vụ mục đích đối sánh trong nghiên cứu học thuật:

Bảng 1. Các thành tố cốt lõi trong chiến lược quản trị ESG tại Trà Vinh

Thành tố ESG	Điểm du lịch	Chiến lược cốt lõi	Mục tiêu và ý nghĩa
Environmental (Môi trường)	Cồn Chim, Cồn Hô	"Du lịch Thuận thiên": bảo tồn hệ sinh thái, nông nghiệp không hóa chất, kiểm soát rác thải nhựa.	Giảm dấu chân carbon, bảo vệ đa dạng sinh học rừng ngập mặn và nguồn nước.
	Làng chiếu Cà Hom	Nguyên liệu bền vững: Sử dụng sợi lát, lục bình, màu nhuộm hữu cơ trong sản xuất.	Phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm xanh, thân thiện môi trường.
Social (Xã hội)	Làng Cà Hom, Chùa Âng, Chùa Vàm Ray	Bảo tồn di sản sống: Duy trì nghề thủ công, nghi lễ Phật giáo và tri thức bản địa.	Giữ gìn bản sắc Khmer; biến di sản thành tài sản sinh kế bền vững.
	Cồn Chim, Làng Cà Hom	Bình đẳng & Trao quyền: Ưu tiên việc làm cho phụ nữ, người dân tộc thiểu số và thanh niên.	Giảm nghèo đa chiều, hạn chế di cư lao động, củng cố an sinh xã hội.
Governance (Quản trị)	Cồn Chim, Cồn Hô	Mô hình Quản trị chia sẻ: Thành lập Tổ hợp tác/HTX du lịch tự quản.	Minh bạch trong phân chia lợi ích; tránh thâu tóm lợi ích.
	Làng Cà Hom, Cụm di sản Ao Bà Om	Tiêu chuẩn hóa & Số hóa: Áp dụng tiêu chuẩn OCOP, quản lý điểm đến bằng công nghệ.	Nâng cao năng lực cạnh tranh; minh bạch nguồn gốc và chất lượng dịch vụ.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đề xuất một mô hình giải pháp chiến lược tích hợp nhằm chuyển dịch hệ sinh thái du lịch vùng ĐBSCL nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng thoát khỏi bẫy khai thác cạn kiệt nguồn lực tài nguyên, hướng tới kỷ nguyên du lịch tái tạo. Mô hình dịch chuyển trọng tâm từ tư duy giảm thiểu tác động tiêu cực thụ động sang chủ động phục hồi, bồi đắp hệ sinh thái tự nhiên và các giá trị văn hóa bản địa. Tiến trình chiến lược này được vận hành đồng bộ thông qua bốn trụ cột cốt lõi: (i) chính sách tín dụng xanh và tài chính tái tạo; (ii) quản trị di sản sống gắn với kinh tế tuần hoàn; (iii) quản trị điểm đến thông minh trên nền tảng khung ESG; (iv) chuyển đổi mô hình du lịch dựa vào cộng đồng sang doanh nghiệp xã hội cộng đồng.

5.1 Bài học kinh nghiệm về quản trị chiến lược của Trà Vinh

Hệ sinh thái du lịch tỉnh Trà Vinh được định hình dựa trên sự phân cấp không gian và chức năng chiến lược, tương ứng với ba trụ cột của khung quản trị ESG. Tiến trình thực nghiệm cho thấy lộ trình chuyển dịch đang được vận hành một cách nhất quán dựa trên ba trụ cột: Môi trường (E), Xã hội (S) và Quản trị (G). Trên phương diện quản trị chiến lược, việc chuẩn hóa sản phẩm qua chương trình OCOP (Mỗi xã một sản phẩm) và đẩy mạnh đào tạo nghề là biểu hiện cụ thể của một cơ chế quản trị minh bạch, hiệu quả (G). Tiến trình này thiết lập các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, tái cấu trúc chuỗi giá trị của làng nghề Cà Hom từ trạng thái sản xuất tự phát sang mô hình có kiểm soát.

Sự thay đổi về năng lực quản trị này tạo ra tác động lan tỏa trực tiếp đến thành tố Xã hội (S) thông qua việc nâng cao giá trị thặng dư của sản phẩm di sản, cải thiện thu nhập bình quân của người lao động bản địa (giá trị trung bình tăng lên là 47,3 triệu đồng, thấp nhất 14 triệu đồng và cao nhất là 180 triệu đồng/năm) [15]. Thông qua các chương trình đào tạo kỹ nghệ, vốn nhân lực của nhóm đối tượng yếu thế (phụ nữ và thanh niên nông thôn) được bồi đắp toàn diện; giúp họ làm chủ cả kỹ thuật di sản lẫn kỹ năng dịch vụ du lịch, từ đó giảm thiểu tình trạng di cư lao động và củng cố cấu trúc an sinh xã hội tại địa phương. Đồng thời, cơ chế quản trị OCOP đóng vai trò là "màng lọc kỹ thuật" bảo vệ Môi trường (E). Các tiêu chí bắt buộc của OCOP thúc đẩy người dân chuyển dịch sang sử dụng nguyên liệu sinh thái và màu nhuộm hữu cơ bản địa. Việc thể chế hóa các quy tắc ứng xử môi trường trong mô hình Hợp tác xã du lịch không chỉ giúp giảm thiểu dấu chân carbon mà còn bảo tồn bền vững hệ sinh thái vùng nguyên liệu cây lát đặc trưng tại huyện Trà Cú.

5.2 Cơ hội và giải pháp cho du lịch xanh và bền vững tại Việt Nam

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực từ quá trình đô thị hóa, việc xây dựng một chính sách chiến lược cho du lịch xanh tại ĐBSCL đòi hỏi một sự giao thoa mang tính hệ thống giữa ba trụ cột: Thuyết Vốn văn hóa của Pierre Bourdieu, mô hình DLCĐ và khung quản trị ESG. Các tri thức bản địa, kỹ năng thủ công mỹ nghệ và các nghi lễ tôn giáo cùng với hệ thống kiến trúc đình chùa, làng nghề cần được chuẩn hóa thông qua các cơ chế định danh như chương trình OCOP hay xếp hạng di sản quốc gia. Đây chính là nguồn lực đầu vào thiết yếu, tạo ra sự khác biệt hóa về sản phẩm cho các điểm đến. Tuy nhiên, để các nguồn vốn này không bị xói mòn bởi các mục tiêu thương mại ngắn hạn, mô hình DLCĐ đóng vai trò là phương thức vận hành chủ đạo, đặt cộng đồng địa phương vào vị trí trung tâm của quá trình đồng kiến tạo giá trị. Tại đây, quyền làm chủ và sự tham gia trực tiếp của người dân không chỉ đảm bảo tính xác thực của sản phẩm du lịch mà còn là rào cản tự nhiên chống lại tình trạng thâu tóm lợi ích.

Nắm bắt cơ hội từ xu hướng toàn cầu về tiêu dùng xanh, trải nghiệm sâu và đồng sáng tạo giá trị, mô hình DMO tích hợp DART và ESG được đề xuất trong nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò hạt nhân của cộng đồng bản địa. Bên cạnh đó, chính quyền và doanh nghiệp, nhà đầu tư đóng vai trò hoạch định và quản lý, đối tượng thụ hưởng là du khách nội địa và quốc tế. Đề tài mang hàm chính sách về bảo tồn vốn văn hóa thông qua việc để chính người dân bản địa (như đồng bào Khmer tại Trà Vinh) trở thành những đại sứ văn hóa, kể câu chuyện của chính họ nhằm không chỉ tạo ra thu nhập bền vững mà còn nâng cao lòng tự hào dân tộc và vị thế xã hội của người dân.

Tài liệu tham khảo

1. Phi, G. T., & Pham, L. H. (2022). Community-based tourism in Vietnam: From policy to practice. World Tourism Organization (UNWTO). https://doi.org/10.18111/9789284423538

2. Nguyen, Tai & Nhan, Phuc & Duong Ngoc Van, Khanh. (2020). Potential and solutions for Tra Vinh tourism development associated with the sea. The Scientific Journal of Tra Vinh University, 1, 159-167. https://doi.org/10.35382/18594816.1.4.2020.414
3. Prahalad, C. K., & Ramaswamy, V. (2004). The future of competition: Co-creating unique value with customers. Harvard Business School Press.
4. Freeman, R. E. (1984). Strategic management: A stakeholder approach. Pitman.
5. Scheyvens, R. (1999). Ecotourism and the empowerment of local communities. Tourism Management, 20(2), 245–249. https://doi.org/10.1016/S0261-5177(98)00069-7
6. International Finance Corporation & The UN Global Compact. (2004). *Who cares wins: Connecting financial markets to a changing world*. United Nations.
7. Elkington, J. (1994). Towards the sustainable corporation: Win-win-win business strategies for sustainable development. California Management Review, 36(2), 90–100.
8. World Travel & Tourism Council. (2022). Integrating ESG into tourism brand strategy: A handbook for destinations. WTTC.
9. Báo Tài chính - Đầu tư. Mở cửa du lịch, cần có kịch bản quản trị rủi ro. Truy cập tại: https://baodautu.vn/pgsts-pham-trung-luong-mo-cua-du-lich-can-co-kich-ban-quan-tri-rui-ro-d161136.html
10. Nguyen, C. P., & Schinckus, C. (2020). Tourism and environmental pollution: Evidence from the Vietnamese economy. Current Issues in Tourism, 23(15), 1883-1888. https://doi.org/10.1080/13683500.2019.1631289
11. Nguyen, T. K., & Nguyen, H. M. (2023). Nature-based solutions for tourism sustainability in the Mekong Delta: An ESG perspective. Journal of Sustainable Tourism Development, 12(3), 112-128.
12. Thời báo Tài chính Việt Nam (2025). Trà Vinh: Du lịch phấn đấu đạt trên 2.600 tỷ đồng trong năm 2025. Truy cập tại https://thoibaotaichinhvietnam.vn/tra-vinh-du-lich-phan-dau-dat-tren-2600-ty-dong-trong-nam-2025-171905.html
13. Tran, D. Q., & Le, A. T. (2024). Cultural capital and social empowerment in ethnic minority tourism: Evidence from Tra Vinh province, Vietnam. Vietnam Journal of Social Sciences & Humanities, 10(2), 89-105.
14. Vo, T. T. H., Nguyen, H. M., & Nguyen, T. K. (2023). Climate change adaptation in the Mekong Delta: Implications for sustainable tourism development. Asia Pacific Journal of Tourism Research, 28(4), 312-330.
15. Vũ, N.T. & Nhựt, Q.M. (2025). Mối quan hệ giữa đa dạng hóa sinh kế và thu nhập của hộ Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Phát triển bền vững Vùng. https://doi.org/10.67916/ptbvv.2022.4.818

A Destination Management Model Leveraging Cultural, Historical and Natural Resources in Tra Vinh and Lessons for Viet Nam

Trinh Thi My Le[1], Le The Hien[2], Tran Trong Thanh[3]
[1, 2] University of Economics and Finance, Ho Chi Minh City, Viet Nam
[3] Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam
lettm@uef.edu.vn

Abstract
This study focuses on shaping a strategic framework for green and sustainable tourism development in Tra Vinh Province, an emerging destination with unique values in the Mekong Delta. The primary objective is to evaluate the current exploitation of cultural-spiritual heritage and "nature-based" community-based tourism models, thereby proposing a transition from conventional resource extraction to a "regenerative tourism" era. The novelty of this research lies in its interdisciplinary approach, featuring a breakthrough integration of the DART (Value Co-creation) framework and Environmental, Social, and Governance (ESG) metrics to address bottlenecks in modern tourism governance. Findings indicate that the Governance (G) component plays a pivotal role in transforming indigenous cultural and natural capital into tangible socio-economic benefits while ensuring ecosystem resilience. The study emphasizes that product standardization through the One Commune, One Product (OCOP) program and heritage

digitalization are essential pathways for building low-emission destination brands, positioning the Mekong Delta as a global model for a green and humanistic economy in the Net Zero era. Regarding managerial implications, the paper suggests that Vietnam should promptly implement "smart" Destination Management Organization (DMO) models, incorporating green credit policies and "co-management" mechanisms to achieve substantive community empowerment.

Keywords: Community-based tourism, sustainable tourism, DART, ESG, Value Co-creation